

Số: *09* /2025/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày *18* tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 8500/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 74/BC-BKTNS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 9264/UBND-KT ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp; các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chi ngân sách các xã, phường (riêng đặc khu Trường Sa được phân bổ theo các nhiệm vụ chi đặc thù). Đối với ngân sách cấp xã; trên cơ sở định mức phân bổ được giao, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh dự toán cho phù hợp với thực tế của từng địa phương.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin

Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp và định mức phân bổ cho đơn vị tiếp nhận Nhà thiếu nhi (định mức phân bổ theo biên chế đơn vị sự nghiệp: 45 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí; 30 triệu đồng/biên chế/năm đối với đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí và kinh phí hoạt động 150 triệu đồng/đơn vị/năm).

Định mức phân bổ đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	8.100
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	9.300
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	11.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	12.500
5. Dân số dưới 15.000 người	15.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 70% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bắc Ái Đông, xã Bắc Ái Tây, xã Bắc Ái được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 30% định mức theo dân số.

Đối với các xã, phường thực hiện nhiệm vụ Trung tâm văn hóa thể thao trước đây trực thuộc UBND cấp huyện được phân bổ thêm 100 triệu đồng/xã/năm.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp.

Định mức phân bổ đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	8.100
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	9.300
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	11.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	12.500
5. Dân số dưới 15.000 người	15.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 70% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 30% định mức theo dân số.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp.

Định mức phân bổ đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	6.200
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	6.700
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	7.900
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	8.300
5. Dân số dưới 15.000 người	10.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái được phân bổ thêm 30% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 10% định mức theo dân số.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp.

Định mức phân bổ đối với cấp xã như sau:

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	62.000
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	67.000
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	77.000
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	83.000
5. Dân số dưới 15.000 người	162.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 70% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 30% định mức theo dân số.

Trong định mức chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp xã dành 75% kinh phí trong định mức để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (Trong đó chi hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội được hạch toán trong nội dung chi sự nghiệp y tế). Phần kinh phí còn thiếu sau khi sử dụng số kinh phí 75% theo định mức dân số sẽ được bố trí ngoài định mức.

Điều 8. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh trật tự

1. Đối với cấp tỉnh

Căn cứ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ đặc thù, khả năng cân đối ngân sách hàng năm và Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 (sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020) để bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh hàng năm.

2. Đối với cấp xã

Định mức bao gồm kinh phí huấn luyện cho các lực lượng theo Quyết định điều động của cấp có thẩm quyền (ngoài kinh phí huấn luyện thường xuyên theo quy định của Luật Dân quân tự vệ); kinh phí bồi dưỡng khi huy động các lực lượng tham gia công tác tuần tra, bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phường; kinh phí thăm tân binh và các nhiệm vụ chi của cấp xã theo phân cấp.

Định mức không bao gồm chế độ cho lực lượng tiểu đội dân quân thường trực, chế độ dân quân tự vệ, chế độ khám xét tuyển nghĩa vụ quân sự, huấn luyện thường xuyên theo quy định của Luật Dân quân tự vệ, chế độ cho lực lượng an ninh trật tự tại cơ sở.

a) Chi quốc phòng

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	25.300
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	30.500
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	47.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	53.000
5. Dân số dưới 15.000 người	70.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 100% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái được phân bổ thêm 70% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

b) Chi an ninh trật tự

Địa phương	Định mức phân bổ (đồng/người dân/năm)
1. Dân số trên 100.000 người	19.200
2. Dân số từ 70.000 người đến dưới 100.000 người	21.700
3. Dân số từ 40.000 người đến dưới 70.000 người	32.500
4. Dân số từ 15.000 người đến dưới 40.000 người	38.600
5. Dân số dưới 15.000 người	43.000

Đối với các xã Cam Hiệp, xã Phước Hà được phân bổ thêm 100% định mức theo dân số.

Đối với các xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bắc Ái Đông, xã Bắc Ái Tây, xã Bắc Ái được phân bổ thêm 70% định mức theo dân số.

Đối với xã Lâm Sơn được phân bổ thêm 50% định mức theo dân số.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương; các chế độ đặc thù do địa phương ban hành như: chi các chính sách hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định; chi cho công tác phổ cập giáo dục; hỗ trợ lễ, tết và một số chính sách đặc thù khác. Riêng đối với các hoạt động mang tính chất toàn ngành của cấp tỉnh như: chế độ cử tuyển, bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp, bồi dưỡng giáo viên, hội khỏe Phù Đổng,... căn cứ nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách hàng năm để bố trí cho phù hợp.

Định mức phân bổ bao gồm: Kinh phí tăng lương định kỳ, tăng lương trước thời hạn.

2. Đối với kinh phí tổ chức các hoạt động chung của ngành giáo dục: bổ sung thêm định mức phân bổ đối với kinh phí tổ chức các hoạt động chung của ngành giáo dục các xã, phường: 400 triệu đồng/địa phương/năm.

3. Trường hợp có sự sụt giảm số học sinh lớn so với chỉ tiêu Nhà nước giao làm giảm dự toán ảnh hưởng đến chi hoạt động của đơn vị thì căn cứ nhiệm vụ chi thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ.

4. Định mức phân bổ theo số học sinh như sau:

STT	Tiêu chí phân bổ	Số tiền (ngàn đồng/học sinh/năm)
1	Nhà trẻ, mẫu giáo	2.050
2	Tiểu học	1.054
3	Trung học cơ sở	1.051
4	Trung học phổ thông	1.051
5	Trung học phổ thông chuyên	1.930
6	Giáo dục hướng nghiệp	220
7	Giáo dục thường xuyên	840

Đối với các trường học (bao gồm các trường thuộc quản lý của UBND cấp xã và các trường thuộc quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo) tại các xã Cam Hiệp, xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Phước Hà, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Lâm Sơn, xã Bắc Ái Đông, xã Bắc Ái Tây, xã Bắc Ái được phân bổ thêm 50% định mức theo học sinh.

5. Đối với các trường Phổ thông dân tộc nội trú (gồm trung học cơ sở và trung học phổ thông): 2.218 ngàn đồng/học sinh/năm

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức không bao gồm chi các chính sách miễn giảm học phí theo quy định và chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết.

2. Trường hợp có sự sụt giảm số học viên, sinh viên lớn so với chỉ tiêu Nhà nước giao làm giảm dự toán ảnh hưởng đến chi hoạt động của đơn vị thì căn cứ nhiệm vụ chi thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ.

3. Định mức phân bổ cho các đơn vị như sau:

STT	Tiêu chí phân bổ	Số tiền (ngàn đồng/học viên, sinh viên/năm)
1	Trung tâm chính trị	500 triệu đồng/trung tâm/năm
2	Trường Đại học Khánh Hòa	
	a) Ngành Sư phạm	
	- Hệ đại học	5.000
	- Hệ cao đẳng	4.000

STT	Tiêu chí phân bổ	Số tiền <i>(ngàn đồng/học viên, sinh viên/năm)</i>
	b) Ngành nghệ thuật	
	- Hệ đại học	4.500
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
	- Hệ sơ cấp	1.100
	c) Ngành Văn hóa và Du lịch	
	- Hệ đại học	4.500
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
4	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
5	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Thuận	
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
6	Trường Cao đẳng Công nghệ - năng lượng Khánh Hòa	
	- Hệ cao đẳng	4.000
	- Hệ trung cấp	3.000
7	Trường Trung cấp kinh tế	3.000
8	Trường Trung cấp nghề	3.000
9	Trường chính trị tỉnh	
	- Các lớp đào tạo của Trường	5.200
	- Cao cấp lý luận chính trị	4.500

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Hệ điều trị:

Phân bổ, giao dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên bao gồm:

- Kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở của bộ phận gián tiếp của cơ sở y tế (nhóm công việc theo vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, chuyên môn dùng chung của cơ sở y tế: văn thư, hành chính, ...) trong tổng biên chế được giao của đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

- Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Khi ngành y tế tính đầy đủ chi phí khám chữa bệnh theo lộ trình kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh thì điều chỉnh giảm dự toán ngân sách cấp theo đúng quy định. Đối với các cơ sở khám chữa bệnh có số thu không đủ chi, sau khi xác định chênh lệch thu chi, ngân sách nhà nước cấp bù phần thiếu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

Định mức không bao gồm kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định; kinh phí mua sắm thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

2. Hệ dự phòng

Tính theo định mức dân số, mức phân bổ: 59.000 đồng/người dân/năm.

Định mức bao gồm lương và phụ cấp ưu đãi ngành, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở (1,49 triệu đồng/tháng), chi bộ máy quản lý; đảm bảo chi cơ sở thuốc phòng, chống dịch bệnh thường xuyên tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. Y tế xã

Phân bổ, giao dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, bao gồm:

- Kinh phí tiền lương và phụ cấp ưu đãi ngành, các khoản đóng góp theo mức tiền lương cơ sở (không bao gồm phụ cấp y tế thôn bản) của Trạm y tế xã, phường (bao gồm các điểm trạm là tổ chức trực thuộc Trạm y tế cấp xã); định mức để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Kinh phí hoạt động theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Đối với công tác tuyên truyền, huy động các lực lượng để phòng chống dịch sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và cấp xã.

4. Đối với hoạt động của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình: phân bổ theo định mức biên chế đơn vị sự nghiệp ngân sách bảo đảm chi thường xuyên.

Điều 12. Định mức phân bổ chi chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp

1. Định mức phân bổ bao gồm

a) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan như: kinh phí hỗ trợ Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp đồng lao động); phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc; công tác phí; hội nghị, tổng kết (không bao gồm các hội nghị tập huấn chuyên môn hoặc hội nghị thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên); kinh phí thi đua, khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng; văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu; chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng (cấp bằng chênh lệch tổng dự toán chi trừ số tiền đảng phí được trích giữ lại và các khoản thu khác của tổ chức đảng).

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi đào tạo, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra và các chế độ chi của tỉnh như: phụ cấp cán bộ tiếp nhận và trả kết quả một cửa; kinh phí tiếp công dân đối với các cơ quan, đơn vị tiếp công dân định kỳ (đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có quyết định phân công nhiệm vụ tại Trụ sở của cơ quan, đơn vị được phân bổ thêm ngoài định mức).

c) Kinh phí tăng hệ số lương theo định kỳ, tăng lương trước thời hạn.

d) Kinh phí vận hành, duy trì và hoạt động cho trang/công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các xã, phường (đối với chế độ thù lao, nhuận bút được phân bổ thêm ngoài định mức).

đ) Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, ô tô quy mô nhỏ; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (đối với trường hợp Lãnh đạo cơ quan, đơn vị nhận công tác mới được phân bổ thêm ngoài định mức).

2. Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (đối với biên chế được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).

3. Đối với cấp tỉnh

a) Các cơ quan quản lý nhà nước

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
1. Đối với các sở, ban, ngành	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800
2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở	
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	66.200
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	63.500
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	60.900
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	58.400

- Tiêu chí bổ sung cơ quan tổng hợp thực hiện các nhiệm vụ phát sinh do cơ quan có thẩm quyền giao: Sở Tài chính: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được bố trí dự toán ngoài định mức chung theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh do cơ quan có thẩm quyền giao.

b) Đối với cơ quan Đảng

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

Tiêu chí bổ sung: Văn phòng Tỉnh ủy được bố trí dự toán ngoài định mức chung theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh

do cơ quan có thẩm quyền giao.

c) Đối với các tổ chức chính trị - xã hội (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ)

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ (ngàn đồng/biên chế/năm)
- Từ biên chế thứ 1 đến biên chế thứ 10	72.600
- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	70.100
- Từ biên chế thứ 21 đến biên chế thứ 40	67.500
- Từ biên chế thứ 41 trở lên	64.800

Tiêu chí bổ sung để thực hiện một số nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao:

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 915 triệu đồng/năm.

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh: 2.390 triệu đồng/năm.

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào Hội Cựu chiến binh tỉnh: 420 triệu đồng/năm.

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào Hội Nông dân tỉnh: 750 triệu đồng/năm.

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: 715 triệu đồng/năm.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Kinh phí hoạt động của người làm việc theo biên chế của cấp có thẩm quyền giao theo định mức 45 triệu đồng/người/năm.

- Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

4. Đối với xã, phường (gọi chung là cấp xã)

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
1. Cán bộ, công chức	54 triệu đồng/biên chế/năm
2. Người hoạt động không chuyên trách	26 triệu đồng/người/năm
3. Chi chế độ, chính sách cấp xã	1.811 triệu đồng/xã/năm

- Đối với các địa phương gồm: xã Tu Bông, xã Đại Lãnh, xã Cam Hiệp, xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, phường Phan Rang, phường Đông Hải, phường Ninh Chữ, phường Bảo An, phường Đô Vinh, xã Ninh Phước, xã Phước Hữu, xã Phước Hậu, xã Thuận Nam, xã Cà Ná, xã Phước Hà, xã Phước Dinh, xã Ninh Hải, xã Xuân Hải, xã Vĩnh Hải, xã Thuận Bắc, xã Công Hải, xã Ninh Sơn, xã Lâm Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái được phân bổ thêm 15% định mức của cán bộ, công chức cấp xã.

- Định mức chi chế độ, chính sách cấp xã bao gồm các chế độ, chính sách do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành như: kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Ban thanh tra nhân dân cấp xã; Ban chấp hành Hội người cao tuổi cấp xã; Ban công tác mặt trận thôn; cụm văn hóa dân cư; phụ cấp báo cáo viên; kinh phí hoạt động HĐND cấp xã; kinh phí hoạt động Đảng (cấp bằng chênh lệch tổng dự toán chi trừ số tiền đảng phí được trích giữ lại và các khoản thu khác của tổ chức đảng); kinh phí chi bồi dưỡng Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ; kinh phí giám sát đầu tư cộng đồng cấp xã; kinh phí cho người trực tiếp tham gia hoạt động thôn, tổ dân phố và một số nhiệm vụ khác. Đối với các xã, phường có số thôn, tổ dân phố lớn hơn 10 thì ngân sách phân bổ số kinh phí cho số thôn, tổ dân phố tăng thêm với mức 72 triệu đồng/thôn, tổ dân phố.

- Tiêu chí bổ sung để thực hiện nhiệm vụ phát sinh 500 triệu đồng/xã/năm. Căn cứ kinh phí được phân bổ, HĐND cấp xã quyết định việc phân bổ cho các cơ quan cấp xã gồm: Văn phòng Đảng ủy xã; Văn phòng HĐND và UBND cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ Nữ).

Điều 13. Khoản kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp và các đối tượng hợp đồng lao động (gồm các khoản bảo hiểm, đóng góp) tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và các đơn vị sự nghiệp y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường)

1. Các đơn vị sự nghiệp

a) Định mức phân bổ bao gồm:

Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên như: kinh phí hỗ trợ Lễ, Tết theo quy định của cấp có thẩm quyền (bao gồm kinh phí Lễ, tết cho các hợp

đồng lao động); phúc lợi tập thể; thông tin liên lạc, công tác phí; hội nghị, tổng kết tại cơ quan (không bao gồm các hội nghị tập huấn chuyên môn hoặc hội nghị thực hiện theo kế hoạch của cơ quan cấp trên); văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu; chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các đơn vị, chi đào tạo, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra.

Kinh phí tăng hệ số lương theo định kỳ, tăng lương trước thời hạn.

Kinh phí vận hành, duy trì và hoạt động cho trang/công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các xã, phường (đối với chế độ thù lao, nhuận bút được phân bổ thêm ngoài định mức).

Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, ô tô quy mô nhỏ; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (trừ máy photocopy, máy lạnh) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

b) Định mức phân bổ không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (đối với biên chế sự nghiệp được giao nhưng chưa tuyển được xác định trên cơ sở hệ số lương bậc 1 của ngạch vị trí tuyển dụng chuyên viên là 2,34; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo quy định).

Đối với các đơn vị thuộc ngành y tế, giáo dục – đào tạo (trừ Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Khánh Hòa, Trung tâm phục hồi chức năng – Giáo dục trẻ em khuyết tật; hệ điều trị, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, y tế xã) không áp dụng định mức phân bổ theo biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ <i>(triệu đồng/biên chế/năm)</i>
Định mức phân bổ theo biên chế	
1. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo một phần kinh phí	30
2. Đơn vị sự nghiệp ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí	45

2. Hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Khoản kinh phí hoạt động cho các hợp đồng lao động với kinh phí phân bổ là 10 triệu đồng/người/năm.

- Khoản kinh phí cho các đối tượng hợp đồng lao động (gồm các khoản bảo hiểm, đóng góp) tại các cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và các đơn vị sự nghiệp y tế được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường) như sau:

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động là 7 triệu đồng/người/tháng.

+ Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng lao động lái xe là 9,3 triệu đồng/người/tháng.

+ Các hợp đồng lao động trong các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được phân bổ thêm 30% so với kinh phí khoán nêu trên.

+ Đối với cấp xã:

++ Hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phân bổ kinh phí theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

++ Hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính nhà nước được phân bổ theo định mức tối đa 01 hợp đồng lao động lái xe và 04 hợp đồng lao động (gồm bảo vệ, phục vụ).

- Kinh phí phân bổ cho 01 hợp đồng là căn cứ để xác định dự toán giao cho các cơ quan, đơn vị, các xã, phường. Căn cứ kinh phí được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định mức chi trả cho từng hợp đồng phù hợp thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, địa phương, đơn vị có nhu cầu tăng mức chi trả hoặc tăng số lượng hợp đồng, đề nghị sử dụng nguồn kinh phí trong định mức của địa phương, nguồn kinh phí giao tự chủ của đơn vị và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện.

Điều 14. Đối với Trung tâm học tập cộng đồng; Trung tâm Văn hóa thể thao cấp xã; Trung tâm học tập cộng đồng – Văn hóa thể thao cấp xã

1. Trung tâm học tập cộng đồng bố trí định mức 70 triệu đồng/trung tâm/năm, trong đó chế độ phụ cấp cho người tham gia vào công tác quản lý trung tâm thực hiện như sau:

- Đối với 3 chức danh (Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ Hội khuyến học) được hưởng phụ cấp 50% mức lương cơ sở hiện hành.

- Đối với kế toán, thủ quỹ được hưởng phụ cấp 20% mức lương cơ sở hiện hành.

2. Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã bố trí 26 triệu đồng/trung tâm/năm từ kinh phí trong định mức sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã.

3. Trung tâm học tập cộng đồng - văn hóa thể thao cấp xã bố trí 96 triệu đồng/trung tâm/năm để chi cho phụ cấp và hoạt động trung tâm từ nguồn kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng là 70 triệu đồng và bố trí 26 triệu đồng từ kinh phí trong định mức sự nghiệp văn hóa thông tin cấp xã (sau khi có Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền)

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ không thấp hơn dự toán Trung ương giao. Trong đó căn cứ vào nhu cầu thực tế, hàng năm bố trí cho các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường

1. Đối với cấp tỉnh

Căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện của các Sở, ban, ngành và khả năng cân đối ngân sách để bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh hằng năm.

2. Đối với cấp xã

- Định mức phân bổ bao gồm các khoản chi cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; ngoài kinh phí ngân sách phân bổ theo định mức, các địa phương sử dụng khoản thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải để thực hiện nhiệm vụ môi trường tại địa phương.

- Định mức không bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết của biên chế sự nghiệp; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp. Riêng đối với tiền lương của sản phẩm đặt hàng được tính trong đơn giá.

- Đối với các địa phương có nhà máy xử lý rác, bãi rác trên địa bàn được bố trí kinh phí ngoài định mức để vận hành theo khối lượng thực tế.

STT	Địa phương	Định mức phân bổ (Triệu đồng/năm)
1	Phường Nha Trang, phường Nam Nha Trang	32.000
2	Phường Tây Nha Trang, phường Bắc Nha Trang, phường Phan Rang	26.000
3	Phường Đông Hải, phường Bảo An	17.000

STT	Địa phương	Định mức phân bổ (Triệu đồng/năm)
4	Xã Cam Lâm	12.000
5	Xã Diên Khánh	10.000
6	Phường Bắc Cam Ranh, phường Cam Ranh, phường Ba Ngòi, phường Ninh Hòa, phường Đông Ninh Hòa, phường Ninh Chữ, phường Đô Vinh, xã Vạn Ninh	7.000
7	Phường Cam Linh, phường Hòa Thắng, xã Nam Ninh Hòa, xã Ninh Phước, xã Phước Hậu	5.000
8	Xã Nam Cam Ranh, xã Tây Ninh Hòa, xã Bắc Ninh Hòa, xã Tân Định, xã Hòa Trí, xã Vạn Hưng, xã Vạn Thắng, xã Tu Bông, xã Đại Lãnh, xã Diên Thọ, xã Diên Lạc, xã Diên Điền, xã Suối Hiệp, xã Cam An, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Vĩnh Hải, xã Phước Hữu, xã Thuận Nam, xã Cà Ná, xã Ninh Hải, xã Xuân Hải, xã Thuận Bắc, xã Ninh Sơn	4.000
9	Xã Suối Dầu, xã Diên Lâm, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Phước Dinh, xã Công Hải, xã Lâm Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bắc Ái Tây, xã Bắc Ái Đông, xã Bắc Ái	3.000
10	Xã Cam Hiệp, xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Phước Hà	2.000

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Đối với cấp tỉnh

Căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện của các Sở, ban, ngành và khả năng cân đối ngân sách để bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh hằng năm.

2. Đối với cấp xã

- Định mức phân bổ bao gồm các khoản chi sự nghiệp kiến thiết thị chính mang tính chất thường xuyên, công viên, chăm sóc cây xanh, chi trả tiền điện chiếu sáng; nhiệm vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thuộc phân cấp của ngân sách cấp xã; chi trợ giá, hỗ trợ theo quy định và các nhiệm vụ khác phân cấp cho cấp xã thực hiện.

- Định mức không bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương; chế độ hỗ trợ lễ, tết của biên chế sự nghiệp; định mức phân bổ theo biên chế sự nghiệp, kinh phí lập quy hoạch, kinh phí dịch vụ công ích thủy lợi. Riêng đối với tiền lương của sản phẩm đặt hàng được tính trong đơn giá.

STT	Địa phương	Định mức phân bổ (Triệu đồng/năm)
1	Phường Nha Trang, phường Nam Nha Trang	35.000
2	Phường Tây Nha Trang, phường Bắc Nha Trang	32.000
3	Phường Phan Rang	26.000
4	Phường Đông Hải	23.000
5	Phường Bảo An	20.000
6	Xã Cam Lâm	18.000
7	Phường Bắc Cam Ranh, phường Cam Ranh, phường Ba Ngòi, phường Ninh Hòa, phường Đông Ninh Hòa, phường Ninh Chữ, phường Đô Vinh, xã Diên Khánh, xã Vạn Ninh	10.000
8	Phường Cam Linh, phường Hòa Thắng, xã Nam Ninh Hòa, xã Thuận Bắc, xã Ninh Phước, xã Phước Hậu	8.000
9	Xã Nam Cam Ranh, xã Tây Ninh Hòa, xã Bắc Ninh Hòa, xã Tân Định, xã Hòa Trí, xã Vạn Hưng, xã Vạn Thắng, xã Tu Bông, xã Đại Lãnh, xã Diên Lạc, xã Diên Điền, xã Suối Hiệp, xã Cam An, xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn, xã Vĩnh Hải, xã Phước Hữu, xã Thuận Nam, xã Cà Ná, xã Ninh Hải, xã Xuân Hải, xã Ninh Sơn	7.000
10	Xã Suối Dầu, xã Diên Lâm, xã Diên Thọ, xã Đông Khánh Sơn, xã Tây Khánh Sơn, xã Phước Dinh, xã Công Hải, xã Lâm Sơn, xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Bác Ái Tây, xã Bác Ái Đông, xã Bác Ái	6.000
11	Xã Cam Hiệp, xã Bắc Khánh Vĩnh, xã Trung Khánh Vĩnh, xã Tây Khánh Vĩnh, xã Nam Khánh Vĩnh, xã Phước Hà	5.000

Điều 18. Chi thường xuyên khác ngân sách

1. Phân bổ theo tỷ lệ 0,5% trên tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương trong năm 2026.

2. Số thu từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính (trừ lĩnh vực xử phạt an toàn giao thông) để lại chi cho hoạt động xử phạt (bao gồm trang bị, mua sắm phương tiện xử phạt, hợp đồng lao động, xe ô tô chuyên dùng).

Điều 19. Định mức dự phòng ngân sách

Dự phòng chi ngân sách phân bổ tính theo tỷ lệ 2-5% tổng chi ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 20. Quỹ Dự trữ tài chính

Quỹ Dự trữ tài chính bố trí bằng mức Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 bảo đảm đúng thời gian quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách mới ngoài hệ thống định mức này thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh khi có nguồn cân đối đảm bảo.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH *Luuuu*



Lonak

Lâm Đông